

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
TC CAPITAL VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG
TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2017 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 – 04
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	05 – 06
BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	08 – 09
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 18

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Chứng khoán TC Capital Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Tommy Tan	Chủ tịch
Ông Đỗ Ngọc Minh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Tiến Nam	Phó Chủ tịch
Ông Ravi Chidambaram	Thành viên
Ông Đặng Quốc Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đặng Quốc Hùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2017

Số: 121 /2017/SX-AV-TC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 7 năm 2017, từ trang 5 đến trang 18, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo thu nhập toàn diện riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và báo cáo biến động vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện (*).

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phan Lê Thành Long
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm
toán: 0922-2015-055-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B01 - CTCK
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	30/6/2017	31/12/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		6.687.972.602	7.703.694.903
I. Tài sản tài chính	110		6.402.495.081	7.446.281.392
1. Tiền	111	5	6.402.495.081	5.523.281.392
2. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	6	-	1.923.000.000
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		285.477.521	257.413.511
1. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	1.739.522
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		14.887.082	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	136	7	270.590.439	255.673.989
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		108.616.210	133.052.121
I. Tài sản cố định	220		82.581.361	101.799.091
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	82.581.361	101.799.091
- Nguyên giá	222		275.005.297	275.005.297
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(192.423.936)	(173.206.206)
II. Tài sản dài hạn khác	250		26.034.849	31.253.030
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	9	11.250.000	11.250.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		14.784.849	20.003.030
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.796.588.812	7.836.747.024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B01 - CTCK
Đơn vị tính: VND

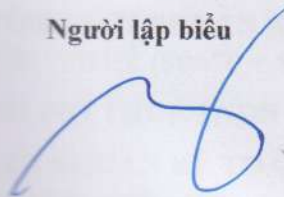
Chỉ tiêu	Mã số	TM	30/6/2017	31/12/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		1.873.600.250	2.042.429.140
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.873.600.250	2.042.429.140
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	10	2.600.250	176.429.140
2. Chi phí phải trả	325	11	35.000.000	30.000.000
3. Các khoản phải trả, phải nộp khác	329	12	1.836.000.000	1.836.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		4.922.988.562	5.794.317.884
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	4.922.988.562	5.794.317.884
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.879.456.000	10.879.456.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(5.956.467.438)	(5.085.138.116)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		6.796.588.812	7.836.747.024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Chỉ tiêu	Mã số	TM	30/6/2017	31/12/2016
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
I. Ngoại tệ các loại - USD	005		476,14	477,24

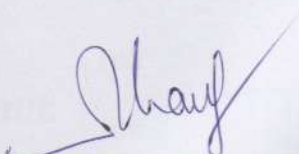
Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2017

Người lập biểu



Quách Thị Mỹ Nhung

Phụ trách kế toán



Phạm Tuyết Thanh



Đặng Quốc Hưng

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG
Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017

Mẫu số B02 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 1/1/2017	Từ 1/1/2016
			đến 30/6/2017	đến 30/6/2016
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			-	-
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			-	-
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			950.721	417.333
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong kỳ	42	14	950.721	417.333
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 → 44)	50		950.721	417.333
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			10.403	20.404.492
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	15	10.403	20.404.492
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 → 54)	60		10.403	20.404.492
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	16	872.018.874	1.380.397.953
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		(871.078.556)	(1.400.385.112)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			250.766	-
8.1. Thu nhập khác	71		-	-
8.2. Chi phí khác	72		250.766	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		(250.766)	-
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		(871.329.322)	(1.400.385.112)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		(871.329.322)	(1.400.385.112)

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Quách Thị Mỹ Nhung

Phụ trách kế toán

Phạm Tuyết Thanh



Đặng Quốc Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B03b - CTCK
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Từ 1/1/2017	Từ 1/1/2016
			đến 30/6/2017	đến 30/6/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1		(871.329.322)	(1.400.385.112)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	2			
- Khấu hao TSCĐ	3		19.217.730	11.490.455
- Các khoản dự phòng	4		-	-
- Lãi / (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.	5		10.403	70.122
- Lãi từ hoạt động đầu tư	7	14	(950.721)	(417.333)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(853.051.910)	(1.389.241.868)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		1.908.112.918	(27.585.209)
(+) Tăng, (-) giảm chi phí phải trả	41		5.000.000	(1.290.000)
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		(14.916.450)	-
(+) Tăng, (-) giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	25.730.000
(+) Tăng, (-) giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47		(173.828.890)	(50.715.054)
(+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác	50		6.957.705	(15.889.898)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		878.273.371	(1.458.992.029)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B03b - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	TM	Từ 1/1/2017	Từ 1/1/2016
			đến 30/6/2017	đến 30/6/2016
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		-	(92.727.273)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	65		950.721	417.333
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>70</i>		<i>950.721</i>	<i>(92.309.940)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>80</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		879.224.092	(1.551.301.969)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ				
Tiền	101.1		5.523.063.206	5.471.230.329
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102		218.186	3.743.541
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ				
Tiền	103.1		6.402.505.484	3.923.671.901
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104		(10.403)	(70.122)

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2017

Người lập biểu

Quách Thị Mỹ Nhung

Phụ trách kế toán

Phạm Tuyết Thanh



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG
 Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B04 - CTCK
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	TM	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm		Số dư cuối kỳ	
		Ngày 01/01/2016	Ngày 01/01/2017	Giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016		Giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017	
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		10.879.456.000	10.879.456.000	-	-	-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối	13	(5.194.581.308)	(5.085.138.116)	(1.400.385.112)	(871.329.322)	(6.594.966.420)	(5.956.467.438)
Cộng		5.684.874.692	5.794.317.884	(1.400.385.112)	(871.329.322)	4.284.489.580	4.922.988.562

Người lập biểu

[Signature]

Quách Thị Mỹ Nhung

Phụ trách kế toán

[Signature]

Phạm Tuyết Thanh

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2017



Đặng Quốc Hùng

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 91-UBCK-GP ngày 21/04/2008 và 314/UBCK-GP ngày 22/03/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 10.823.458.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Lô 6, tầng 1, Tòa nhà Hoàng Thành, 114 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính và phù hợp với các quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.3 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

4.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí mua công cụ dụng cụ có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ trên 12 tháng trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo

4.5 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

4.6 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận theo số vốn thực góp của các thành viên góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh số lỗ lũy kế tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.7 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu tài chính bao gồm tiền lãi và chênh lệch tỷ giá. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.8 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập cá nhân là thuế tính trên thu nhập của lao động là cá nhân cư trú người Việt Nam, được tính theo quy định tại thông tư 111/2013/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP, và được khấu trừ tại nguồn trước khi thực hiện chi lương cho người lao động.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.9 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu có chi nếu. Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tiền mặt	3.648.557	5.463.241.094
Tiền gửi ngân hàng	6.398.846.524	60.040.298
Cộng	6.402.495.081	5.523.281.392

6. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CTCK CUNG CẤP

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Alpha Việt Nam	-	385.000.000
Công ty Cổ phần thương mại và kỹ thuật tự động hóa	-	286.000.000
Công ty Cổ phần giải pháp y tế Hà Nội	-	550.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và thể thao	-	352.000.000
Công ty TNHH FSI Việt Nam	-	350.000.000
Cộng	-	1.923.000.000

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Thuế TNDN nộp thừa	270.590.439	255.673.989
Cộng	270.590.439	255.673.989

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 31/12/2016	275.005.297	275.005.297
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 30/06/2017	275.005.297	275.005.297
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 31/12/2016	173.206.206	173.206.206
Tăng trong năm	19.217.730	19.217.730
Khấu hao	19.217.730	19.217.730
Giảm trong năm	-	-
Giảm khác (**)	-	-
Tại ngày 30/06/2017	192.423.936	192.423.936
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2016	<u>101.799.091</u>	<u>101.799.091</u>
Tại ngày 30/06/2017	<u>82.581.361</u>	<u>82.581.361</u>

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2017 VND	31/12/2016 VND
Ký quỹ ký cược dài hạn khác	11.250.000	11.250.000
Cộng	<u>11.250.000</u>	<u>11.250.000</u>

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2017 VND	31/12/2016 VND
Thuế GTGT	-	161.558.290
Thuế thu nhập cá nhân	2.600.250	14.870.850
Cộng	<u>2.600.250</u>	<u>176.429.140</u>

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2017 VND	31/12/2016 VND
Chi phí dịch vụ chuyên môn	35.000.000	30.000.000
Cộng	<u>35.000.000</u>	<u>30.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B05 - CTCK

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢ KHÁC

	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Ông Nguyễn Hoàng Thái góp vốn	1.836.000.000	1.836.000.000
Cộng	1.836.000.000	1.836.000.000

(*) Khoản tiền này do ông Nguyễn Hoàng Thái góp vốn ứng trước vào tài khoản Công ty. Hiện tại Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để tăng vốn cho khoản góp vốn ứng trước này.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận/ (lỗ) lũy kế	Đơn vị: VND Cộng
KỶ HIỆN TẠI			
Số dư 01/01/2017	10.879.456.000	(5.085.138.116)	5.794.317.884
Lợi nhuận/(lỗ)	-	(871.329.322)	(871.329.322)
Số dư 30/06/2017	<u>10.879.456.000</u>	<u>(5.956.467.438)</u>	<u>4.922.988.562</u>
KỶ TRƯỚC			
Số dư 01/01/2016	10.879.456.000	(5.194.581.308)	5.684.874.692
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	(1.400.385.112)	(1.400.385.112)
Số dư 30/06/2016	<u>10.879.456.000</u>	<u>(6.594.966.420)</u>	<u>4.284.489.580</u>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ đăng ký		Vốn điều lệ đã góp	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc kỳ	5.930.518.000	54,79	-	-
Đặng Quốc Hùng	-	-	2.164.817.668	19,90
Đỗ Ngọc Minh	-	-	2.164.817.668	19,90
Nguyễn Hoàng Thái	-	-	1.600.882.665	14,71
Công ty TC Capital Advision Limited	4.892.940.000	45,21	4.948.938.000	45,49
Cộng	<u>10.823.458.000</u>	<u>100</u>	<u>10.879.456.000</u>	<u>100</u>

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
- Lợi tiền gửi	950.721	417.333
Cộng	<u>950.721</u>	<u>417.333</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MÃ SỐ B05 - CTCK

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lỗ bán ngoại tệ	-	20.334.370
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.403	70.122
Cộng	10.403	20.404.492

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên	484.840.564	840.393.330
Nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	6.968.703	4.091.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.217.730	11.490.455
Thuế, phí và lệ phí	3.820.743	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.792.000	331.528.954
Chi phí bằng tiền khác	154.379.134	189.893.293
Cộng	872.018.874	1.380.397.953

17. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Ban Giám đốc

Lương

Cộng

Từ 01/01/2017
đến 30/06/2017
VND

129.000.000

129.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MÃ SỐ B05 - CTCK

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.9.

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		31/12/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.402.495.000	-	5.523.281.392	-
Cộng	6.402.495.000	-	5.523.281.392	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017	31/12/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Chi phí phải trả	35.000.000	30.000.000
Cộng	35.000.000	30.000.000

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 200/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán và báo cáo giữa niên độ cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2017

Quách Thị Mỹ Nhung

Phạm Tuyết Thanh



Đặng Quốc Hùng